TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DS-ST.
Ngày: 17-08-2018.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

2. Ông Phạm Văn Huynh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đào Ngọc Nam, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đồng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 08 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 91/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 08 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng CSXH.

Địa chỉ: 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: Tổng giám đốc.

Ông Dương Quyết Thắng ủy quyền cho ông Trần Thanh Trường, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Long Thành. (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/06/2015)

Ông Trần Thanh Trường ủy quyền cho ông Nguyễn Lương Nguyên, chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Long Thành. (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/06/2018)

"Có mặt"

- Bị đơn: Bà Trần Thị T , sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966.

Địa chỉ: số 681, ấp cẩm Đường, xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

"Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 1 năm 2018 của nguyên đơn- Ngân hàng CSXH và các lời khai tiếp theo tại tòa của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn-ông Nguyễn Lương Nguyên trình bày:

Ngân hàng CSXH có giải quyết cho ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T vay theo sổ vay vốn số 4600010030 với tổng số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 05/06/2008, mã món vay 6000004600011965, mục đích vay để chăn nuôi bò, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0.9%, hạn trả nợ cuối cùng là 12/05/2011.

Sau khi vay, bà T và ông Q vi phạm quy định về việc trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng CSXH yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông Q phải thanh toán cho ngân hàng CSXH số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/01/2018 là 31.188.000 đồng, tổng cộng 61.188.000 đồng.

* Trong bản tự khai đề ngày 26 tháng 06 năm 2018, bị đơn- bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q trình bày: bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q có vay của Ngân hàng CSXH 30.000.000 đồng vào ngày 05/06/2008, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0,9%/tháng. Sau khi vay, ông bà có trả lãi cho Ngân hàng vài lần nhưng do nuôi ông bị chết nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng CSXH. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 12/01/2018 là 31.188.000 đồng, tổng cộng 61.188.000 đồng thì ông bà đồng ý.

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo tại Bộ luật tố tụng dân sự

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng CSXH, xử buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán cho Ngân hàng CSXH số tiền là 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 12/01/2018 là 31.188.000 đồng, tổng cộng 61.188.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn- bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xử và giấy triệu tập nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn- bà Trần Thị T và

ông Nguyễn Văn Q.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo sổ vay vốn mã KH 130320 và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ mã món vay 21210113CD0000 thì vào ngày 05/06/2008, Ngân hàng CSXH có cho bà Trần Thị T vay số tiền 30.000.000 với lãi suất 0.9%/tháng theo chương trình cho vay Hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn, phân kỳ trả nợ là 12 tháng/lần, số tiền 10.000.000 đồng/lần. Ông Nguyễn Văn Q là chồng của bà Trần Thị T sẽ thừa kế nghĩa vụ trả nợ nếu bà T không thanh toán nợ cho Ngân hàng CSXH.

Từ khi vay tiền đến ngày 05/03/2010, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q có thanh toán cho Ngân hàng CSXH khoản tiền lãi là 5.702.000 đồng nhưng sau đó bà T và ông Q không thanh toán thêm cho ngân hàng CSXH khoản tiền lãi và gốc nào. Mặc dù phía ngân hàng CSXH đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 12/01/2018 thì bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q còn nợ của Ngân hàng CSXH số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 12/01/2018 là 31.188.000 đồng, tổng cộng 61.188.000 đồng.

Tại phiên tòa công khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến là yêu cầu bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán cho Ngân hàng CSXH số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 12/01/2018 là 31.188.000 đồng, tổng cộng 61.188.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu của nguyên đơn về thanh toán số nợ là có đủ cơ sở để chấp nhận. Bởi vì, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q là vợ chồng và có làm sổ vay vốn để vay tiền của Ngân hàng CSXH trên cơ sở tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ mã món vay 21210113CD0000 thì thỏa thuận cụ thể về số tiền vay, lãi suất, ngày thanh toán, thời hạn vay nhưng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q không thực hiện đúng theo hợp đồng. Mặc khác, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q cũng thừa nhận việc vay nợ trên nhưng do làm ăn thất bại nên không có khả năng trả nợ ngân hàng, nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả số tiền tổng cộng là 61.188.000 đồng thì ông bà cũng đồng ý. Vì vậy, có căn cứ buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán cho Ngân hàng CSXH số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/01/2018 là 31.188.000 đồng, tổng cộng 61.188.000 đồng.

[3] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể là 5% x 61.188.000 đồng = 3.059.400 đồng.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng CSXH về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với bị đơn-bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q.

Xử buộc bị đơn-bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn- Ngân hàng CSXH số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/01/2018 là 31.188.000 đồng, tổng cộng 61.188.000 đồng (sáu mươi mốt triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng CSXH có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q chậm thanh toán cho Ngân hàng CSXH thì bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Bị đơn-bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.059.400 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn- Ngân hàng CSXH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.530.000 đồng theo biên lai thu số 002160 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngẫu – Phạm Văn Huynh Nguyễn Trí Hoàng